

Số: 43 /KH-UBND

Trà Vinh, ngày 22 tháng 8 năm 2018

### KẾ HOẠCH

Triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng

SỐ THƯỜNG...  
ĐẾN...  
Ngày 23/8/2018  
Chuyển...

Để triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

1.1. Nhằm hỗ trợ cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là người hoạt động không chuyên trách cấp xã) trong quá trình thực hiện việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng bố trí công việc khác nhưng vẫn có nguyện vọng thôi việc.

1.2. Góp phần giảm biên chế (biên chế công chức, số lượng người làm việc), giảm số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, bảo đảm sự ổn định về tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng. Thông qua việc tổ chức thực hiện đồng bộ, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng và cùng với chính sách hỗ trợ hợp lý nhằm động viên và tạo điều kiện cho những người thôi việc theo nguyện vọng sau khi thôi việc được ổn định cuộc sống; đồng thời, góp phần giảm chi từ ngân sách nhà nước trong việc chi trả tiền lương, phụ cấp cho các đối tượng này.

## **2. Yêu cầu**

2.1. Việc thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND phải được tiến hành đồng bộ với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản, giảm biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, giảm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Tạo điều kiện cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo hợp lý về trình độ chuyên môn, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

2.3. Đảm bảo dân chủ, khách quan và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Công tác tuyên truyền, quán triệt**

1.1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tuyên truyền, phổ biến đầy đủ nội dung Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan, như: Bộ Luật lao động ngày 18/6/2012, Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014, Luật Việc làm ngày 16/11/2013, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 46/2010/NĐ-CP), Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2012/NĐ-CP), Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định đối tượng, mức hỗ trợ nghỉ việc, thai sản, mai táng phí đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ấp, khóm (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND), Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi Điều 2.1 Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND) và Kế hoạch này.

1.2. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và tạo sự đồng thuận về chủ trương sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, giảm biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021; Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy Trà Vinh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy Trà Vinh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”; Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tinh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và các văn bản triển khai thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **2. Nội dung, trình tự giải quyết chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND**

2.1. Đối tượng được xem xét giải quyết chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND khi thôi việc

Đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND, cụ thể:

a) Cán bộ, công chức (kể cả công chức là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP) từ tỉnh đến cấp xã.

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế viên chức.

c) Viên chức trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao biên chế viên chức.

d) Viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế viên chức.

“Đơn vị” quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND là đơn vị được nhà nước giao số lượng người làm việc, cụ thể: Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Văn phòng Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh, Văn phòng điều phối Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

đ) Viên chức làm việc theo Đề án tăng cường đội ngũ viên chức ngành nông nghiệp về công tác trên địa bàn xã, phường, thị trấn trong tỉnh Trà Vinh (phê duyệt kèm theo Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh).

e) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là lao động hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

g) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (xã, phường, thị trấn) theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm.

## 2.2. Đối tượng không áp dụng chính sách hỗ trợ thôi việc

Các đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND, cụ thể:

a) Các đối tượng thuộc chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các văn bản của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định về chính sách tinh giản biên chế (nếu có);

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn dưới 12 tháng tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

c) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ; chuyên khoa cấp II, chuyên khoa cấp I; bác sĩ, dược sĩ đại học trở lên.

- Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

- Diện đào tạo theo chế độ cử tuyển chưa làm việc đủ thời gian theo quy định.

d) Các trường hợp đang bị xem xét kỷ luật, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

## 2.3. Điều kiện thực hiện chính sách hỗ trợ thôi việc

Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND: Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự hoặc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc thực hiện việc giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nếu các



đối tượng tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND được xem xét, bố trí công việc khác nhưng vẫn có nguyện vọng thôi việc và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

#### 2.4. Thẩm quyền giải quyết thôi việc

##### a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước:

- Đối với công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện, cấp tỉnh: Theo Quy định về phân cấp sử dụng, quản lý cán bộ và tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đối với viên chức: Theo Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đối với công chức cấp xã: Theo Quy định về việc phân cấp, tuyển dụng, quản lý và nhiệm vụ của công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Theo Quy định tạm thời tiêu chuẩn chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 11/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đối với lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có trách nhiệm xem xét, giải quyết thôi việc đối với lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo quy định của pháp luật về lao động.

##### b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể:

Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức thực hiện giải quyết thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền.

#### 2.5. Mức hỗ trợ và các chế độ thôi việc

##### a) Đối với công chức:

- Được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

- Được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP: Công chức thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc với mức mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng (tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương nếu có). Thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc theo quy định này là tổng thời gian tính theo năm có đóng bảo hiểm xã hội (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

*\* Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, được tuyển dụng vào làm công chức tại Sở B và tham gia đóng bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/9/2008; trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ công chức theo vị trí việc làm của Sở B, ông Nguyễn Văn A thuộc đối tượng sắp xếp, cơ cấu lại theo vị trí việc làm và được bố trí công việc khác nhưng ông Nguyễn Văn A có nguyện vọng thôi việc và được Giám đốc Sở B đồng ý cho thôi việc kể từ ngày 01/9/2018, tiền lương tháng hiện hưởng của ông Nguyễn Văn A là 5.800.000 đồng, tổng thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội tính đến ngày 31/8/2018 là 10 năm (120 tháng), ông Nguyễn Văn A được tính hưởng các chế độ như sau:*

- Được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND: 500.000 đồng x 120 tháng = 60.000.000 đồng. (1)

- Được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định Nghị định số 46/2010/NĐ-CP với mức mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng: 2.900.000 đồng x 10 năm = 29.000.000 đồng. (2)

Tổng cộng: (1) + (2) = 60.000.000 đồng + 29.000.000 đồng = 89.000.000 đồng.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Đối với viên chức:

- Được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

- Được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP: Viên chức thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc từ ngày 31/12/2008 trở về trước với mức mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng

(tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương nếu có) và từ ngày 01/01/2009 đến nay được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm ngày 16/11/2013 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

*\* Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị B, được tuyển dụng vào làm viên chức tại Trường C và tham gia đóng bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/01/2004; trong quá trình Trường C thực hiện sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự, bà Nguyễn Thị B thuộc đối tượng sắp xếp, cơ cấu lại và được bố trí công việc khác nhưng bà Nguyễn Thị B có nguyện vọng thôi việc và được Hiệu trưởng Trường C đồng ý cho thôi việc kể từ ngày 01/9/2018, tiền lương tháng hiện hưởng của bà Nguyễn Thị B là 8.100.000 đồng, tổng thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội tính đến ngày 31/8/2018 là 14 năm 08 tháng (176 tháng), bà Nguyễn Thị B được tính hưởng các chế độ như sau:*

- Được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND: 500.000 đồng x 176 tháng = 88.000.000 đồng. (1)

- Được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định Nghị định số 29/2012/NĐ-CP từ ngày 01/01/2004 đến ngày 31/12/2008 là 05 năm với mức mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng: 4.050.000 đồng x 5 năm = 20.250.000 đồng. (2)

Tổng cộng: (1) + (2) = 88.000.000 đồng + 20.250.000 đồng = 108.250.000 đồng.

- Ngoài ra, bà Nguyễn Thị B được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội xem xét thực hiện các chế độ:

+ Trợ cấp thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn hiện hành đối với thời gian làm việc có tham gia bảo hiểm thất nghiệp được tính kể từ ngày 01/01/2009.

+ Chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành đối với thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội được tính kể từ ngày 01/01/2004.

c) Đối với lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:

- Được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội. Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

- Được hưởng trợ cấp theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn hiện hành đối với thời gian làm việc từ ngày 31/12/2008 trở về trước; kể từ ngày 01/01/2009 đến nay được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm ngày 16/11/2013 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

d) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

- Được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND với mức 450.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội.

- Được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND: Mỗi năm công tác không tham gia bảo hiểm xã hội được hỗ trợ số tiền bằng 01 tháng phụ cấp kể cả hệ số hỗ trợ tăng theo bảng cấp hiện hưởng; trường hợp có số tháng lẻ dưới 06 tháng tính bằng nửa (1/2) năm công tác, từ 06 tháng trở lên tính bằng 01 năm công tác.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**\* Ví dụ 3:** Ông Nguyễn Văn D được tuyển dụng vào chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã A từ ngày 01/01/2015 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/01/2016.

Do thực hiện việc giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã A, ông Nguyễn Văn D thuộc nhóm chức danh phải giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách; ông Nguyễn Văn D được bố trí công việc khác nhưng có nguyện vọng thôi việc và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A chấp thuận cho thôi việc theo nguyện vọng từ ngày 01/9/2018, tiền phụ cấp tháng hiện hưởng (kể cả hệ số hỗ trợ tăng theo bảng cấp) của ông Nguyễn Văn D là 3.500.000 đồng, tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn D tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/8/2018 là 02 năm 08 tháng (32 tháng), ông Nguyễn Văn D được tính hưởng các chế độ như sau:

- Được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND:  $450.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ tháng} = 14.400.000 \text{ đồng. (1)}$

- Được hưởng trợ cấp thôi việc đối với thời gian làm không chuyên trách ở xã A không có tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 (01 năm) theo quy định tại Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND:  $3.500.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm} = 3.500.000 \text{ đồng. (2)}$

Tổng cộng:  $(1) + (2) = 14.400.000 \text{ đồng} + 3.500.000 \text{ đồng} = 17.900.000 \text{ đồng.}$



- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành đối với thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội được tính kể từ ngày 01/01/2016.

\* **Ví dụ 4:** Bà Nguyễn Thị E được tuyển dụng vào chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã B từ ngày 01/01/2015, bà Nguyễn Thị E tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện kể từ ngày 01/9/2015 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc kể ngày 01/01/2016.

Do thực hiện việc giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã B, bà Nguyễn Thị E thuộc nhóm chức danh phải giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách; bà Nguyễn Thị E được bố trí công việc khác nhưng có nguyện vọng thôi việc và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B chấp thuận cho thôi việc theo nguyện vọng từ ngày 01/9/2018, tiền phụ cấp tháng hiện hưởng (kể cả hệ số hỗ trợ tăng theo bằng cấp) của bà Nguyễn Thị E là 3.500.000 đồng, tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị E được tính từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2018 (bao gồm thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện) là 03 năm (36 tháng), bà Nguyễn Thị E được tính hưởng các chế độ như sau:

- Được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND: 450.000 đồng x 36 tháng = 16.200.000 đồng. (1)

- Được hưởng trợ cấp thôi việc đối với thời gian làm không chuyên trách ở xã B không có tham gia bảo hiểm xã hội tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/8/2015 (08 tháng được làm tròn thành 01 năm) theo quy định tại Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND: 3.500.000 đồng x 1 năm = 3.500.000 đồng. (2)

Tổng cộng: (1) + (2) = 16.200.000 đồng + 3.500.000 đồng = 19.700.000 đồng.

- Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành đối với thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội được tính kể từ ngày 01/9/2015.

2.6. Xác định thời gian làm việc tính hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND là thời gian làm việc được tính hưởng bảo hiểm xã hội và đóng bảo hiểm xã hội (theo số bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

Trường hợp quá trình công tác của người có nguyện vọng thôi việc có thời điểm được thôi việc (nghỉ việc) hoặc chuyển công tác mà theo quy định của pháp luật được hưởng trợ cấp thôi việc nhưng đến nay chưa được hưởng thì cơ quan, đơn vị công tác trước đây của người này có trách nhiệm phải giải quyết chế độ

trợ cấp thôi việc theo quy định và thời gian đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc này không được tính để hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định về thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội đã hưởng hoặc chưa hưởng các chế độ đối với từng trường hợp để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

## 2.7. Trình tự thực hiện

Trong quá trình thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự hoặc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc thực hiện việc giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nếu các đối tượng tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND được xem xét, bố trí công việc khác nhưng vẫn có nguyện vọng thôi việc và được cấp có thẩm quyền đồng ý. Trình tự thực hiện như sau:

a) Cá nhân có đơn đề nghị thôi việc và hưởng chính sách thôi việc (theo mẫu số 01 kèm theo Kế hoạch này) gửi Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức họp lãnh đạo cơ quan, đại diện cấp ủy Đảng và đại diện đoàn thể (trong biên bản cuộc họp, những nội dung sau cần được thể hiện rõ: Xác định đối tượng có thuộc trường hợp hay không thuộc trường hợp khi thôi việc được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND; mức hỗ trợ được đề xuất và kết quả kiểm tra những nội dung có liên quan đến mức hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện; ý kiến của các cá nhân, tổ chức có liên quan đối với từng trường hợp...).

Thời gian giải quyết không quá 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thẩm định, lập danh sách và kinh phí hỗ trợ thôi việc (theo mẫu số 02 kèm theo Kế hoạch này) kèm theo văn bản đề nghị gửi đến Sở Nội vụ (đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước); các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh gửi đến Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định, thẩm tra về đối tượng.

Thời gia thẩm tra danh sách đối tượng không quá 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ hợp lệ.

d) Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy gửi kết quả thẩm tra danh sách đối tượng đến Sở Tài chính để thẩm tra việc tính toán mức hỗ trợ và đề xuất nguồn kinh phí thực hiện. Thời gian Sở Tài chính thực hiện thẩm tra không quá 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra danh sách đối tượng thôi việc của Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

đ) Sở Tài chính gửi kết quả thẩm tra (bao gồm khối Nhà nước và khối Đảng, Đoàn thể) đến Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thôi việc được hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND.

## 2.8. Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm tra đối tượng và kinh phí hỗ trợ

a) Đơn đề nghị thôi việc và hưởng chế độ chính sách theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND của cá nhân (theo mẫu) kèm theo văn bản tuyển dụng của cấp có thẩm quyền; Sổ Bảo hiểm xã hội hoặc Bản kê quá trình đóng bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm có đơn đề nghị thôi việc (bản sao có đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hiện đang làm việc);

Trường hợp đã có hưởng trợ cấp thôi việc hoặc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, đề nghị kèm theo bản sao có đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hiện đang làm việc các văn bản giải quyết chế độ.

b) Biên bản họp lãnh đạo cơ quan có đại diện cấp ủy Đảng và tổ chức đoàn thể.

c) Đề án hoặc Phương án về: Sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Danh sách và kinh phí các trường hợp đề nghị thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND (theo mẫu).

đ) Công văn của cơ quan, đơn vị đề nghị thẩm định đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND.

## 2.9. Thời gian thực hiện

Từ ngày 01/8/2018 đến hết ngày 31/01/2020, khi công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách cấp xã có Đơn xin thôi việc theo nguyện vọng thuộc đối tượng theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND.

Các trường hợp đã có đơn xin thôi việc, nghỉ việc kể từ ngày 01/8/2018 đến trước khi Kế hoạch này được ban hành được xem xét, áp dụng thực hiện nếu chưa được giải quyết cho thôi việc và hiện vẫn còn đang làm việc, trình tự, thủ tục phải được thực hiện bảo đảm theo đúng quy định. Không áp dụng giải quyết đối với những trường hợp đã được giải quyết cho thôi việc hoặc tự ý nghỉ việc.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các tổ chức hội có tính đặc thù của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.**

a) Khẩn trương triển khai, quán triệt Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND, các văn bản có liên quan và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Xây dựng Đề án hoặc Phương án về: Sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc giảm số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã để thẩm định, phê duyệt theo quy định và tổ chức thực hiện.

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-CP và Kế hoạch này đảm bảo có hiệu quả, giải quyết kịp thời, đúng chế độ, chính sách đối với các đối tượng thôi việc bảo đảm theo đúng quy định.

d) Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ thôi việc thuộc phạm vi quản lý và các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-CP.

#### **2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND, các văn bản có liên quan và Kế hoạch này.

b) Chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, thẩm tra, tổng hợp danh sách đối tượng thôi việc hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-CP trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm tra việc tính toán mức hỗ trợ và đề xuất nguồn kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện theo quy định.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh việc thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND; tổng hợp kết quả thực hiện gửi đến Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

d) Phối hợp Sở Nội vụ giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.



### **3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

a) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hội nghị phổ biến, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND và các văn bản liên quan cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị; thời gian hoàn thành trước ngày 01/9/2018.

- Thẩm tra hồ sơ, danh sách đối tượng thôi việc đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND đối với các đối tượng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước; đề nghị Sở Tài chính thẩm tra việc tính toán mức hỗ trợ và đề xuất nguồn kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện theo quy định.

- Tổng hợp, hoàn chỉnh danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thôi việc được hỗ trợ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND (bao gồm khối Nhà nước và khối Đảng, Đoàn thể).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND về Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

### **4. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

a) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND và Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định nguồn kinh phí, lập dự toán kinh phí thực hiện; phối hợp Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm tra việc tính toán mức hỗ trợ thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nguồn kinh phí để chi trả cho các đối tượng thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND.

c) Kiểm tra, quyết toán, tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

### **5. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh**

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các chế độ về trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm xã hội đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công chức,

viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã (khi có nhu cầu).

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan giải quyết kịp thời, đúng quy định về trợ cấp thất nghiệp, chế độ bảo hiểm xã hội khi công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc.

c) Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm chốt Sổ bảo hiểm xã hội kịp thời cho công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi thôi việc để các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chính sách hỗ trợ thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND; phối hợp rà soát quá trình đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; hỗ trợ tư vấn về chế độ bảo hiểm xã hội, hướng dẫn thủ tục hồ sơ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi có nhu cầu.

#### **6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh**

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan. Cử phóng viên báo, đài theo dõi và đưa tin thường xuyên tại các hội nghị phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong toàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc triển khai và phối hợp thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, BHXH tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Báo Trà Vinh, Đài PT&TH Trà Vinh;
- BLEVP;
- Các Phòng: HC-TC, QT (bản chính để thực hiện);
- Lưu: VT, NC. gg

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH<sub>TM</sub>**



**Đồng Văn Lâm**

**Mẫu số 01**



(Kèm theo kế hoạch số 43 /KH-UBND ngày 22/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Được thôi việc theo nguyện vọng và hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

- Họ và tên người đề nghị: ..... Nam/Nữ: .....
- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Cơ quan, đơn vị công tác .....
- Ngày, tháng, năm được tuyển dụng: .....
- Trình độ đào tạo: ..... Chuyên ngành: .....
- Tôi làm đơn này kính đề nghị: ..... xem xét

cho tôi được thôi việc theo nguyện vọng và được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh kể từ ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Lý do xin thôi việc: .....<sup>(2)</sup>

Trước đây đảm nhận vị trí việc làm ..... với công việc chính là: ..... Hiện nay, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí vào vị trí việc làm ..... với công việc chính là .....<sup>(3)</sup>

Nhưng có nguyện vọng thôi việc và cam đoan không thuộc đối tượng không áp dụng chính sách hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội (tính đến ngày dự kiến thôi việc là ngày ..... tháng ..... năm 20.....):

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị làm việc	Số năm, tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội	Số năm, tháng công tác có đóng bảo hiểm thất nghiệp	Đã được hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chế độ phục viên, xuất ngũ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
.../.../...	.../.../...		... năm ... tháng	... năm ... tháng		
...	...		...			

<sup>(1)</sup> Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thôi việc.  
<sup>(2)</sup> Ghi rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trường hợp nào theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND.  
<sup>(3)</sup> Vị trí việc làm (nếu có) và tóm tắt công việc chính trước đây; vị trí việc làm (nếu có) và tóm tắt công việc chính hiện nay đã được bố trí.

(Lưu ý: Cột (6) ghi rõ là "Có" hay "Không có")

+ Tổng thời gian làm việc: ..... năm ..... tháng.

+ Tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội: ..... năm ..... tháng.

+ Tổng thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội *đã được hưởng* trợ cấp thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần chế độ phục viên, xuất ngũ: ..... năm ..... tháng (từ tháng ..... năm ..... đến tháng ..... năm .....).

+ Tổng thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội *chưa được hưởng* trợ cấp thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần chế độ phục viên, xuất ngũ và đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh là ..... năm ..... tháng, được tính thành ..... tháng (từ tháng ..... năm .... đến tháng .... năm .....).

+ Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, đề nghị mức hỗ trợ cho 01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội đối với trường hợp của tôi là .....  
(bằng chữ: ..... đồng).

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là ..... đồng.

Tôi cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, của tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cho đến ngày được giải quyết thôi việc và thực hiện mọi thủ tục bàn giao công việc, tài sản liên quan đến công việc do tôi đảm nhiệm.

Kính đề nghị ..... xem xét, giải quyết./.

**Người kiểm tra  
nội dung đơn<sup>(4)</sup>**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người đề nghị**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng**  
(ký tên, đóng dấu, ghi họ tên người ký)

<sup>(4)</sup> Người được phân công kiểm tra nội dung Đơn có trách nhiệm căn cứ các hồ sơ có liên quan để kiểm tra toàn bộ nội dung Đơn đảm bảo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra của mình. Trường hợp sau khi kiểm tra nếu phát hiện có nội dung không phù hợp và sau khi trao đổi nhưng không được sự thống nhất của người đề nghị, người được phân công kiểm tra có trách nhiệm lập thành văn bản kèm theo hồ sơ có liên quan báo cáo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng để báo cáo trong cuộc họp xét.



Mẫu số 02

(Kèm theo kế hoạch số 43 /KH-UBND ngày 22 /8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN**  
**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày ..... tháng ..... năm 201..



**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỒ TRỢ CHÍNH SÁCH THỜI VIỆC THEO NGUYỄN VŨNG**  
**THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 71/2018/NQ-HĐND NGÀY 11/7/2018 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

(Kèm theo Công văn số ..... /... ngày...tháng...năm 20... của .....)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/vị trí việc làm đang đảm nhiệm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác	Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội theo Số BHXH		Mức hỗ trợ một lần theo Điều 4 Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ (ĐVT: đồng)			Ghi chú
						(chưa hưởng trợ cấp thời việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội mới lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ)	Tổng số năm		Tổng số tháng lẻ	Tổng số	Trong đó	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
...												
...												

\* Ghi chú: Cột (10) = cột (11) + cột (12)

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng cơ quan chủ quản**<sup>(1)</sup>  
(Ký tên, đóng dấu, ghi họ tên)

**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi họ tên)

<sup>(1)</sup> Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đối với trường hợp tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.